

PHỤ LỤC 62:
BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ VĨNH HẢO

A. Giá nhóm đất nông nghiệp

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Nội dung	Giá đất trong bảng giá đất hiện hành	Giá đất đề xuất	Ghi chú
1. Đất trồng cây hằng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác)			
- Vị trí 1	144,00	150,00	
- Vị trí 2	126,00	130,00	
- Vị trí 3	104,00	105,00	
- Vị trí 4	77,00	80,00	
2. Đất trồng cây lâu năm			
- Vị trí 1	166,00	170,00	
- Vị trí 2	133,00	135,00	
- Vị trí 3	106,00	110,00	
- Vị trí 4	78,00	80,00	
3. Đất rừng sản xuất			
- Vị trí 1	39,10	40,00	
- Vị trí 2	21,68	22,00	
- Vị trí 3	15,56	16,00	
- Vị trí 4		13,00	
4. Đất nuôi trồng thủy sản			
- Vị trí 1	144,00	150,00	
- Vị trí 2	126,00	130,00	
- Vị trí 3	104,00	105,00	
- Vị trí 4	77,00	80,00	
5. Đất làm muối			
- Vị trí 1	67,00	70,00	
- Vị trí 2	52,00	55,00	
- Vị trí 3	39,00	40,00	
- Vị trí 4		30,00	

B. Giá nhóm đất phi nông nghiệp:

I. Giá đất ở:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất trong bảng giá đất hiện hành	Giá đất đề xuất	Ghi chú
		Từ	Đến			
1	Quốc lộ 1A	Ngã tư vào Hồ Đá Bạc	Cầu Bà Bồn 2	1.800	2.600	
		Hết Cầu Bà Bồn 2	Ban chỉ huy Quân sự xã Vĩnh Hảo	1.900	2.000	
		Các đoạn còn lại của xã		1.400	1.450	
2	Đường liên xã, nội xã (đường nhựa, bê-tông rộng 6m trở lên)	Quốc lộ 1A	Xóm 8, thôn Vĩnh Hải	2.000	2.100	
3	Các đường nội bộ Khu dân cư xóm 1B thôn Vĩnh Sơn			600	630	
4	Khu dân cư Xóm 6, thôn Vĩnh Hải	- Các lô tiếp giáp đường từ Quốc lộ 1A đến Xóm 8 thôn Vĩnh Hải (01 mặt tiền)		2.000	2.100	
		- Các lô tiếp giáp đường từ Quốc lộ 1A đến Xóm 8 thôn Vĩnh Hải (02 mặt tiền)		2.400	2.500	
		- Các lô tiếp giáp đường nội bộ (01 mặt tiền)		1.600	1.700	
		- Các lô tiếp giáp đường nội bộ (02 mặt tiền)		1.900	2.000	
5	Khu dân cư Động Từ Bi	- Các lô tiếp giáp đường liên xóm 7, 8 thôn Vĩnh Tiến		1.400	1.450	
		- Các lô tiếp giáp đường nội bộ		1.100	1.150	
6	Khu dân cư Trung tâm xã Vĩnh Tân (cũ)	- Các lô tiếp giáp đường Quốc lộ 1A				
		+ Các lô tiếp giáp đường nội bộ (01 mặt tiền)		2.000	2.100	
		+ Các lô tiếp giáp đường nội bộ (02 mặt tiền)		2.400	2.500	
		- Các lô tiếp giáp đường nội bộ		1.700	1.800	
7	Khu dân cư Trung tâm xã Vĩnh Tân cũ (giai đoạn 2)	+ Các lô tiếp giáp đường nội bộ (01 mặt tiền)		2.000	2.100	
		+ Các lô tiếp giáp đường nội bộ (02 mặt tiền)		2.400	2.500	

II. Giá đất khu công nghiệp:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Khu công nghiệp Tuy Phong	222

III. Giá đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sử dụng có thời hạn, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	Ghi chú
		Từ	Đến				
1	Quốc lộ 1A	Ngã tư vào Hồ Đá Bạc	Cầu Bà Bồn 2	1.820,00	1.560,00	1.820,00	
		Hết Cầu Bà Bồn 2	Ban chỉ huy Quân sự xã Vĩnh Hảo	1.400,00	1.200,00	1.400,00	
		Các đoạn còn lại của xã		1.015,00	870,00	1.015,00	
2	Đường liên xã, nội xã (đường nhựa, bê-tông rộng 6m trở lên)	Quốc lộ 1A	Xóm 8, thôn Vĩnh Hải	1.470,00	1.260,00	1.470,00	
3	Các đường nội bộ Khu dân cư xóm 1B thôn Vĩnh Sơn			441,00	378,00	441,00	
4	Khu dân cư Xóm 6, thôn Vĩnh Hải	- Các lô tiếp giáp đường từ Quốc lộ 1A đến Xóm 8 thôn Vĩnh Hải (01 mặt tiền)		1.470,00	1.260,00	1.470,00	
		- Các lô tiếp giáp đường từ Quốc lộ 1A đến Xóm 8 thôn Vĩnh Hải (02 mặt tiền)		1.750,00	1.500,00	1.750,00	
		- Các lô tiếp giáp đường nội bộ (01 mặt tiền)		1.190,00	1.020,00	1.190,00	
		- Các lô tiếp giáp đường nội bộ (02 mặt tiền)		1.400,00	1.200,00	1.400,00	

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	Ghi chú
		Từ	Đến				
5	Khu dân cư Động Từ Bi	- Các lô tiếp giáp đường liên xóm 7, 8 thôn Vĩnh Tiến		1.015,00	870,00	1.015,00	
		- Các lô tiếp giáp đường nội bộ		805,00	690,00	805,00	
6	Khu dân cư Trung tâm xã Vĩnh Tân (cũ)	- Các lô tiếp giáp đường Quốc lộ 1A		-	-	-	
		+ Các lô tiếp giáp đường nội bộ (01 mặt tiền)		1.470,00	1.260,00	1.470,00	
		+ Các lô tiếp giáp đường nội bộ (02 mặt tiền)		1.750,00	1.500,00	1.750,00	
		- Các lô tiếp giáp đường nội bộ		1.260,00	1.080,00	1.260,00	
7	Khu dân cư Trung tâm xã Vĩnh Tân cũ (giai đoạn 2)	+ Các lô tiếp giáp đường nội bộ (01 mặt tiền)		1.470,00	1.260,00	1.470,00	
		+ Các lô tiếp giáp đường nội bộ (02 mặt tiền)		1.750,00	1.500,00	1.750,00	